

Số: 137/QĐ-THVTS

Quận 7, ngày 31 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu- chi ngân sách năm 2023 của
Trường Tiểu học Võ Thị Sáu

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC VÕ THỊ SÁU

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 8479/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND quận 7 về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2023;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu- chi ngân sách năm 2023 (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Toàn thể cán bộ, viên chức trường Tiểu học Võ Thị Sáu chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Phòng Tài chính-Kế hoạch quận 7;
- Nơi điều 3;
- Niêm yết tại văn phòng, bảng tin của trường;
- Lưu: VT, KT.



Phan Thanh Phong

Quận 7, ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường tiểu học Võ Thị Sáu công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2023 như sau:

Đvt: Ngân đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Thu chi hoạt động sự nghiệp, thu hộ	-	3.100.542	2	-
I	Số thu sự nghiệp, thu hộ:	29.463.271	29.953.977	1	-
1	Thu sự nghiệp:	14.893.110	16.004.209		-
1.1	Học phí 2 buổi	497.700	357.140	72%	
1.2	Tổ chức PVBT	2.532.600	3.053.985	121%	
1.3	TATC	510.300	650.731	128%	
1.4	Vệ sinh phí	361.800	183.895	51%	
1.5	Tin học	750.150	624.337	83%	
1.6	Thiết bị VDBT	301.500	13.560	4%	
1.7	TABN	1.275.750	1.174.601	92%	
1.8	Bơi	284.130	242.569	85%	
1.9	Kỹ năng sống	1.455.840	1.448.074	99%	
1.10	TA tích hợp	3.931.740	4.355.267	111%	
1.11	TA Toán - Khoa	1.206.000	1.347.125	112%	
1.12	Ngoại khóa	1.440.000	2.022.300	140%	
1.13	Tin học quốc tế	345.600	530.625	154%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 4/năm	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý (tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2	Thu hộ:	14.570.161	13.949.768	96%	-
2.1	Tiền ăn BT	12.311.250	11.461.800	93%	
2.2	Nước uống BT	271.350	268.899	99%	
2.3	Đề kiểm tra	116.800	99.770	85%	
2.4	CSCKBD	70.000	79.655	114%	
2.5	Điện	454.950	457.430	101%	
2.6	Hoa hồng BHYT	25.000	20.474	82%	
2.7	BHYT HS	1.138.831	1.382.100	121%	
2.8	SLL điện tử	181.980	179.640	99%	
1.14	Lãi NH	20.000	20.892	104%	
II	Số chi sự nghiệp, chi hộ:	29.463.271	26.853.435		-
I	Chi sự nghiệp:	14.893.110	12.818.254	86%	-
1.1	Học phí 2 buổi	497.700	355.039	71%	
1.2	Tổ chức PVB	2.532.600	3.043.732	120%	
1.3	TATC	510.300	541.385	106%	
1.4	Vệ sinh phí	361.800	183.722	51%	
1.5	Tin học	750.150	299.614	40%	
1.6	Thiết bị VĐBT	301.500	13.560	4%	
1.7	TABN	1.275.750	1.118.873	88%	
1.8	Bơi	284.130	242.420	85%	
1.9	Kỹ năng sống	1.455.840	1.346.600	92%	
1.10	TA tích hợp	3.931.740	2.264.160	58%	
1.11	TA Toàn - Khoa	1.206.000	1.263.760	105%	
1.12	Ngoại khóa	1.440.000	1.812.690	126%	
1.13	Tin học quốc tế	345.600	332.699	96%	
2	Chi hộ:	14.570.161	14.035.181	96%	-
2.1	Tiền ăn BT	12.311.250	11.554.725	94%	
2.2	Nước uống BT	271.350	262.684	97%	
2.3	Đề kiểm tra	116.800	68.529	59%	
2.4	CSCKBD	70.000	76.439	109%	
2.5	Điện	454.950	530.169	117%	
2.6	Hoa hồng BHYT	25.000	1.200	5%	
2.7	BHYT HS	1.138.831	1.361.885	120%	
2.8	SLL điện tử	181.980	179.550	99%	
C	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	14.707.000	13.971.082	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		8.269.000		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	8.720.000	702.240		
1.3	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (NQ 03)	5.809.000	4.999.842		
1.4	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (TK 10% chi thường xuyên)	178.000			

Ngày tháng năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

Phan Thanh Phong

